TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2025/QĐST - HNGĐ	*Văn Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 157/2025/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đắc B, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 04/10/212.

Cháu Nguyễn Diệu A1, sinh ngày 16/6/2015.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu Phương A, cháu Diệu A1: Anh Nguyễn Đắc B và chị Nguyễn Thị Hồng N (là bố, mẹ đẻ của các cháu).

Căn cứ Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ *Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:* Anh Nguyễn Đắc B và chị Nguyễn Thị Hồng N.

2/ *Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:*

Về tình cảm vợ chồng: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đắc B và chị Nguyễn Thị Hồng N.

Về con chung: Anh B, chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 04/10/2012 và cháu Nguyễn Diệu A1, sinh ngày 16/6/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị N. Hai anh chị thỏa thuận để chị N tiếp tục nuôi cả hai cháu Nguyễn Thị Phương A và cháu Nguyễn Diệu A1 cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B, tự nguyện cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi hai cháu Phương A và Diệu A1 đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp anh B chậm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung vợ chồng, về nợ, về ruộng nông nghiệp, về công sức: Chấp nhận sự tự nguyện của anh B, chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh B xin chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng anh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai số 0003382 ngày 18/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hưng Yên, anh B đã nộp đủ án phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơinhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Lạc Đạo;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Vân Anh